TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 275/2019/DS-ST
Ngày: 26-6-2019
V/v tranh chấp "Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Hoa

Bà Ngô Thị Tuyết Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thục Đoan – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân quận Gò Vấp *tham gia phiên tòa:*

Bà Trần Thị Hải Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2019/DSST ngày 01 tháng 03 năm 2019 về việc : " Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2019/QĐXX- DS ngày 13 tháng 5 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 82/2019/ QĐST- DS ngày 05 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S

Trụ sở: Lầu 8, 266-268 đường N, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn:

Bà Nguyễn Đ–Chức vụ : Tổng giám đốc

Trụ sở: Lầu 8, 266-268 đường N, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Bùi Khánh T, sinh năm 1987. Địa chỉ: Lầu 8, số 266 – 268 đường N, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo Văn bản ủy quyền số 152/2019/UQ-TTT ngày 19/02/2019 (Có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kiều M, sinh năm 1992; Địa chỉ: Số 23/4 đường P, phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 02 năm 2019, bản tự khai ngày 27/3/2019 và trong quá trình xét xử đại diện nguyên đơn ông Bùi Khánh T trình bày:

Ngày 29/12/2017, bà Nguyễn Thị Kiều M có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm: giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng- các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà M, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 9.652.345 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt đến nay bà M không thanh toán cho ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà M vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà M vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng) nên ngày 01/6/2018, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của bản điều khoản và điều kiên phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Vì vậy Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Kiều M phải thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền tạm tính tới ngày 27/03/2019 là 16.174.704 đồng, trong đó:

- Nợ gốc : 11.763.504 đồng.
- Lãi quá hạn: 4.411.200 đồng.

Và bà M phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 27/03/2019 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Tính đến ngày 26/6/2019, bà M còn nợ của Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 17.512.768 đồng, trong đó:

- Nợ gốc : 11.763.504 đồng.
- Lãi quá hạn: 5.749.264 đồng.

Bà Nguyễn Thị Kiều M phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 27/6/2019 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ và triệu tập bà Nguyễn Thị Kiều M đến Tòa án để lấy lời khai nhưng bà M không đến. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú của bà Nguyễn Thị Kiều M tại địa chỉ: Số 23/4 đường P, phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh được biết bà M, sinh năm 1992 có đăng ký tạm trú và đang thực tế cư trú tại địa chỉ nhà số 23/4 đường P, phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (thuê phòng trọ số 1).

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà M không đến, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà M hợp lệ theo quy định pháp luật vì vậy Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo pháp luật quy định.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S do ông Bùi Khánh T là đại diện theo ủy quyền có đơn xin vắng mặt tuy nhiên ông vẫn giữ yêu cầu buộc bà

Nguyễn Thị Kiều M phải trả số tiền 17.512.768 đồng, tính đến ngày 26/6/2019 trong đó:

- Nợ gốc : 11.763.504 đồng.
- Lãi quá hạn: 5.749.264 đồng.

Bà Nguyễn Thị Kiều M phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 27/6/2019 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng

Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Kiều M là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

-Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng Thẩm phán đã thực hiện đúng và đầy đủ nội dung quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa nhưng người tham gia tố tụng, đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải. Thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử : Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Thị Kiều M phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 17.512.768 đồng, trong đó:

- Nợ gốc : 11.763.504 đồng.
- Lãi quá hạn: 5.749.264 đồng

Bà Nguyễn Thị Kiều M phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 27/6/2019 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng

Đương sự phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết :

Nguyên đơn Ngân hàng hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín khởi kiện bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều M về yêu cầu trả số tiền nợ phát sinh từ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 29/12/2017 được ký kết giữa hai bên. Bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều M có đăng ký tạm trú và đang thực tế cư trú tại địa chỉ nhà số 23/4 đường P, phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà M theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về nợ gốc:

Căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 29/12/2017 đã ký giữa Ngân hàng hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín với bà Nguyễn Thị Kiều M cho thấy việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật. Nội dung các bên thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật tại các Điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà M với hạn mức 10.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ, bà M đã thực hiên giao dịch với tổng số tiền là 9.652.345 đồng, kể từ đó cho đến nay, bà M không thanh toán cho ngân hàng bất kỳ khoản tiền nào. Bà M đã vi phạm nghĩa vụ về thời gian thanh toán nợ gốc theo như hợp đồng đã ký kết vì vậy yêu cầu của Ngân hàng buộc bà M phải trả số tiền nợ gốc là 11.763.504 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nợ lãi:

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010 và được sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định "… Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật".

Căn cứ Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

Căn cứ Thông tư 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng.

Hội đồng xét xử nhận thấy việc thỏa thuận lãi suất giữa các bên là phù hợp với quy định của pháp luật. Theo đó bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi tính đến ngày 26/6/2019 là 5.749.264 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét việc nguyên đơn yêu cầu trả số tiền trên làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy số tiền trên bị đơn nợ nguyên đơn đã lâu đến nay chưa trả là gây thiệt hại rất nhiều cho nguyên đơn. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán số tiền trên một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Hoàn

trả 381.944 đồng, tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí tương đương với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận là 17.512.768 đồng . Do đó bị đơn phải chịu án phí là 875.638 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 219, Điều 220, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273, Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010 và được sửa đổi bổ sung năm 2017 ;

- Căn cứ Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận;

- Căn cứ Thông tư 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Nguyễn Thị Kiều M có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền 17.512.768 (Mười bảy triệu năm trăm mười hai nghìn bảy trăm sáu mươi tám) đồng, tính đến ngày 26/6/2019. Trong đó nợ gốc là 11.763.504 đồng và lãi quá hạn: 5.749.264 đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Kiều M còn phải chịu thêm tiền lãi phát sinh trên tổng số nợ gốc kể từ ngày 27/6/2019 cho đến khi thanh toán xong theo như lãi suất hợp đồng được ký ngày 29/12/2017 (gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) .

Việc giao nhận tiền được thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 875.638 (Tám trăm bảy mươi lăm nghìn sáu trăm ba mươi tám) đồng.

Hoàn lại 381.944 (Ba trăm tám mươi mốt nghìn chín trăm bốn mươi bốn) đồng tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn theo biên lai thu số 0000176 ngày 01/03/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung

năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận :
- VKSND quận G;
- Chi cục THA quận G;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Quỳnh Trang